

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 92

Phân Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh
Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai

Đoạn 4:

Lại nữa, tụng nêu:

*Trên tham dạy trao cùng khổ trụ
Quan sát, dẫn phát không ứng cúng
Minh giải thoát, tu luận vô ngã
Pháp định kiến Khổ là sau cùng.*

Do ba nhân duyên, nên hữu tình đối với cảnh của đối tượng duyên hành tham thuộc phẩm thượng. Những gì là ba? Đó là:

1. Mạnh mẽ chứ không phải yếu kém.
2. Đoan nghiêm chứ không phải xấu xí.
3. Quen với tham chứ không phải xả tham.

Lại do ba thứ đối trị, thâu nhận, hãy còn khiến cho hữu tình ôm giữ tham phẩm thượng như thế, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, siêng tu phạm hạnh, điều phục nơi tâm khiến được tịch tĩnh, hướng hồ là chỉ mang giữ tham nhỏ của phẩm trung, hạ, là phần vị bạc trần. Ba thứ đối trị là:

1. Giữ gìn kín, chặt căn môn làm chỗ nương dựa, xa lìa tất cả biên dục lạc.
2. Đối với ăn uống nên biết lượng, đầu đêm cuối đêm giảm thiểu ngủ nghỉ làm chỗ nương dựa, xa lìa tất cả biên tự khổ.
3. Chánh niệm, chánh tri tối thắng làm chỗ nương dựa, hành nơi Trung đạo theo nẻo xuất ly.

Nên biết ở đây, nơi bốn niệm trụ, tâm khéo an trụ. Hoặc vào lúc hành, cảnh giới hiện tiền. Hoặc không giữ lấy nơi tướng cùng với tùy

hảo, nhận biết rõ như thật về sanh trụ diệt của thọ. Nếu giữ lấy nơi tướng cùng với tùy hảo, nên nhận biết rõ như thật về sanh trụ diệt của tướng. Hoặc vào lúc trụ, nhận biết rõ như thật về sanh trụ diệt nơi tâm tư của nhân kia. Do tướng như thế, chánh niệm chánh tri, nơi tất cả thời, nơi tất cả thứ cảnh giới của đối tượng duyên, có thể như phép tắc đúng đắn để giữ gìn tâm. Đó gọi là chánh niệm chánh tri tối thắng.

Lại có chánh niệm chánh tri tối thắng: Nghĩa là đã đạt được định Diệt tận, hoặc đã đạt được định Vô tướng, hoặc đã đạt được định không tâm tứ. Nên biết, nương dựa nơi Thánh trụ, Thiên trụ, ngoại trừ chánh niệm tri trụ tối thắng này thì không có thứ khác nào có thể vượt hơn.

Hoặc từ nơi diệt định khởi rồi, an trụ, hoặc sắp nhập định, theo phương tiện mà trụ, nhận biết rõ đúng như thật về sanh trụ diệt của thọ, đó gọi là chánh niệm, chánh tri tối thắng.

Như dựa nơi Diệt tận định, nhận biết đúng như thật về thọ, dựa nơi định Vô tướng để nhận biết đúng như thật về tướng, dựa nơi định không tâm không tứ để nhận biết rõ như thật về tâm tứ hiện có, nên biết cũng thế. Do chánh niệm chánh tri tối thắng ấy, chỉ nhận lấy pháp, không đối với tâm tứ thọ tướng như thế khởi phân biệt hư vọng về ngã, ngã sở.

Nếu các kẻ ngu, khi tâm tứ về thọ tướng sanh khởi sai biệt, đối với pháp như thọ v.v... không thể phát khởi chỉ có tướng pháp, chỉ tạo niệm: Ta có thể lãnh nhận, cho đến nói rộng. Do nhân duyên ấy, nên kẻ kia hãy còn không có chánh niệm chánh tri, hưởng hồ là đạt tối thắng.

Ở đây, nói chánh niệm chánh tri, sau là hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, nên biết nói chánh niệm chánh tri trước, là từ chỗ các phần vị phạm phu đạt được tác ý không phóng dật, cho đến quả Nhất lai.

Lại nữa, do hai nhân duyên, Đức Như-lai tự nói, mình tuổi cao, thân lực mỗi mệt, khuyên các Thanh văn thỉnh vị khác thuyết pháp:

1. Vì khiến cho người cậy mình tuổi trẻ, chuyên hành kiêu ngạo, trụ nơi phóng dật tự biết chán sợ.

2. Vì nhằm khiến cho, có các Bí-sô nơi đời vị lai tuổi cao sức yếu, xa lìa nghi hối, khi khuyến thỉnh các Bí-sô tuổi trẻ v.v... tuyên thuyết Chánh pháp. Hoặc có các Bí-sô tuổi tác đang độ khỏe mạnh, tươi vui, đầy đủ uy lực, không có e ngại vì vị khác thuyết pháp.

Nên biết ở đây lược có hai thứ chốn đại tập hội, tuyên thuyết Chánh pháp:

1. Quyết trạch thuyết.
2. Trực ngôn thuyết.

- Quyết trạch thuyết: Nghĩa là dấy khởi phương tiện để cật vấn nêu xét, thuyết giảng đạo lý diệt trừ nghi hoặc.

- Trực ngôn thuyết: Nghĩa là các thính chúng im lặng mà trụ, như Pháp sư thuyết giảng, tuyên thuyết Chánh pháp.

Lại do bốn tướng, gọi là có thể tùy thuận chỉ dạy trao truyền, khuyên răn:

1. Có thể phân tích các xứ sai biệt. Ở trong các hành đạt được trí kiến vô ngã thanh tịnh.

2. Kiến thanh tịnh, đối với các thọ cùng chỗ dựa đều diệt, lìa tăng thượng mạn, đạt tịch tĩnh tốt bậc.

3. Kiến thanh tịnh có thể vượt khỏi các khổ của vị lai.

4. Kiến thanh tịnh có thể vượt khỏi các khổ của hiện tại.

Ở đây, phân tích các xứ trong ngoài với các thức xúc thọ tưởng tư ái riêng biệt. Hiện thị vô ngã, do dựa nơi đạo lý của phương tiện duyên khởi, nên có thể dẫn phát chánh kiến thanh tịnh thứ nhất. Như ánh sáng dựa nơi ngọn đèn, như bóng dựa vào cây, kia không có nên đây cũng không có.

Hiện thị các xứ trong ngoài có sai biệt, là nhân nơi các thọ, do các xứ kia vắng lặng rốt ráo, nên các thọ đây cũng tùy diệt. Lìa tăng thượng mạn, đối với Niết-bàn nhận biết rõ đúng như thật là tịch tĩnh tối thắng, có thể dẫn đến chánh kiến thanh tịnh thứ hai. Ở trong hiện pháp, dùng đạo trí huệ có thể đoạn dứt vĩnh viễn tất cả phiền não.

Hiện thị sự vượt khỏi rốt ráo các khổ hiện có của vị lai, có thể dẫn đến chánh kiến thanh tịnh thứ ba. Hiện thị ở trong khắp tất cả pháp thuận khổ thuận lạc thuận phi khổ lạc, không khởi tham dục, không khởi sân hận, không khởi ngu si. Hiện thị kiến đạo, đối với niệm trụ tâm khéo an trụ. Hiện thị tu đạo, tu các giác phần. Nghĩa là khiến cho các lậu vĩnh viễn dứt hết. Vượt khỏi khổ trụ của tạp nhiễm nơi hiện pháp, có thể dẫn đến chánh kiến thanh tịnh thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô, không giữ căn trụ, đối với các cảnh giới tâm phần nhiều ái nhiễm, tâm phần nhiều tán loạn, do nhân duyên ấy nên thọ nhận hai thứ khổ:

1. Khổ do thô trọng tạo nên.

2. Khổ do ở trong các pháp nghi hoặc tạo nên.

Vì sao? Vì do phương tiện kia nên siêng năng tu thân. Siêng năng tu thân rồi, nên siêng năng tu chi Xa-ma-tha của Giới. Do không tu thân, cũng không tu chi Xa-ma-tha của Giới làm nhân duyên, nên thân không khinh an, tâm không khinh an. Vì thế, Bí-sô kia nhận lấy khổ do

thô trọng tạo nên.

Khinh an thiếu nên không thể xúc chứng Tam-ma-địa thù thắng. Do nhân duyên này, nên đối với việc nhận biết đúng như thật, không nhận biết đúng như thật, phần nhiều sanh nghi hoặc. Vì vậy, Bí-sô kia thọ nhận khổ do nghi hoặc đối với các pháp tạo nên. Do trụ nơi hai thứ khổ não ấy, nên gọi là, vì sức nơi duyên tăng thượng của việc không giữ gìn các căn, nên phải chịu các khổ, trụ không an ổn. Như thế gọi là, ở trong hiện pháp, do không giữ gìn các căn, nên có các lỗi lầm tai họa. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là các công đức hiện có do giữ gìn các căn.

Lại nữa, có các Bí-sô vì lìa dục tham nên siêng tu phương tiện. Do tu tập đúng đắn đạo gia hạnh, nên điều phục các phiền não, khởi tư duy: Ta đối với các dục là có dục tham mà không biết rõ, hay là không có? Bền dùng tướng tịnh tác ý tư duy, đối với việc đoạn trừ chưa đoạn trừ mới được quyết định. Quán sát tác ý làm chỗ dựa, tìm cầu nơi chốn sanh khởi tham dục, nhận biết rõ như thật, nhớ nghĩ phân biệt, các phiền não này là xứ an tức hơn hết, do chúng chưa được đoạn trừ vĩnh viễn. Nếu lúc bị phiền não loạn động nơi tâm, nhận biết rõ có thể hướng tới phần thấp kém nên liền chế phục. Nếu không chế phục, thì đối với phần ít Tam-ma-địa đã được ở trước, hãy còn trở lại thối mất, hướng hô là có thể tiến tới công đức của phẩm thù thắng. Do thâm tóm, chỉnh đốn, nên có thể không thối chuyển, cũng có thể tiến đến công đức của phẩm thù thắng.

Nếu không quán xét, trở lại phát khởi tăng thượng mạn, nên cũng có thối, mất. Do quán xét, nên có thể chứng đạt quyết định. Nếu tâm bị loạn động, có thể nhận biết rõ, đúng, trở lại chỉnh đốn gồm thâm, vì thế không thối chuyển.

Như tu phương tiện, vì lìa dục tham, thì đối với phần vị trên còn lại, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng thế.

Nếu lúc kiến mạnh mẽ, quán xét kỹ, nhưng không sanh khởi, Bí-sô kia liền đạt được thắng giải quyết định: Ta đối với các xứ đã có thể chế phục, hơn hẳn. Nghĩa là đối tượng duyên này nên sanh phiền não, ta ở nơi xứ ấy đã chế phục, hơn hẳn, khiến phiền não không sanh khởi. Vượt quá học địa. Cũng như vị đại vương có thể tùy theo tâm mình tự tại mà chuyển. Hàng phục tất cả trụ xứ của Ma-la, chứng đắc tận trí, vô sanh trí rất ráo, phạm hạnh viên mãn.

Lại nữa, đối với sáu căn như trước đã nói, năm tướng tịch tĩnh không được tịch tĩnh, nên biết là phải thâm nhận ba thứ quả khổ. Nghĩa

là trong hiện pháp, dựa nơi phần tạp nhiễm tăng thượng của căn mà trụ, do các thứ bất thiện hiện hành làm nhân. Hoặc trở thành thói chuyển, thua kém đối với kẻ khác. Hoặc bị chê trách. Hoặc bị sát hại. Tức thọ nhận các khổ của hiện pháp như thế.

Lại thọ nhận vô số các khổ của sanh lão bệnh tử nơi vị lai. Lại thọ nhận đặng lưu của vị lai, do trước thường xuyên hành tập, dẫn phát. Các tạp nhiễm do không giữ gìn các căn, cũng gọi là khổ. Cùng trái hẳn với đây, tức là đối với sáu căn, do có năm thứ tướng tịch tĩnh, nên biết là thấu nhận ba quả khổ diệt.

Lại nữa, lược có hai loại Phạm chí thế tục: Thật sự không phải là phước điền, nhưng ôm giữ tăng thượng mạn, tự cho là phước điền, nhưng ôm giữ tăng thượng mạn, tự cho là phước điền, tự xưng ta là phước điền chân thật, nên biết là đã tạo thành tánh và tướng của phước điền không thật, không nên cúng dường. Đó là:

1. Từ nơi kẻ khác đạt được lợi dưỡng, sự cung kính, hiện tiền tham đắm mãnh liệt. Các căn tham lam ăn uống, là tánh nhiễu loạn, trá hiện trước mọi người là hành lìa dục.

2. Thâu nhận tài sản gia đình, cùng với hàng thân thuộc cư trú lẫn lộn. Chuyên tự tu thân theo nẻo thô, ược. Phạm chỗ hành trì, hành đã không tự lợi, cũng không phải lợi tha. Xa lìa hành chánh pháp chánh của Thi-la. Xa lìa hành thiện có thể trụ nơi nẻo thiện. Xa lìa hành diệu có thể trụ nơi Niết-bàn. Nên biết kẻ ấy, cùng với tất cả hàng phàm phu ngu tối không có sai biệt. Trụ nơi Chánh pháp, cùng với đầy trái nhau, nên biết đó gọi là Phạm chí thắng nghĩa.

Lại nữa, ngoài Chánh pháp này, có các Sa-môn Bà-la-môn, lúc về các đệ tử nêu giảng pháp, phần nhiều vì cầu thắng lợi đối với các thứ cật vấn, cùng cầu thắng lợi vì thoát khỏi vấn nạn của kẻ khác, nên biết việc nêu giảng pháp như thế, theo Đệ nhất nghĩa là vô nghĩa vô lợi, không tự lợi ích, cũng không lợi ích cho kẻ khác. Chư Phật Như Lai, vì các đệ tử tuyên thuyết Chánh pháp, chỉ vì chứng đắc thắng lợi của hai quả là Minh và Giải thoát, nên biết việc nêu giảng Chánh pháp như thế là quả lớn, lợi lớn, tự lợi lợi tha thủy đều viên mãn. Hành nơi ba đời không quên mất, trụ nơi nghĩa tối thắng, nên đối với ba thứ cảnh của đối tượng duyên có sai biệt, gọi là ba minh. Hoặc tâm giải thoát, hoặc huệ giải thoát đều gọi là giải thoát, là đối trị thắng vượt tạp nhiễm căn bản của vô minh, ái.

Vì đạt được chưa đạt được Minh cùng với Giải thoát, nên biết lược có bốn thứ tu đạo. Tức là tu căn, nên có thể tu thân đúng đắn. Tu thân

đã dẫn đến tu hành thiện, nên có thể tu giới đúng đắn. Tu giới, đã dẫn đến tu niệm trụ, giác chi thuận hợp, nên có thể tu tâm, huệ.

Ở đây, tu căn lại có ba thứ:

1. Tu thế gian.
2. Tu hữu học.
3. Tu vô học.

Nếu do lực xét chọn làm chỗ nương dựa, tuy nhận lấy tướng không như lý của cảnh khả ái không khả ái, nhưng không phát khởi các triền phiền não, nếu như khiến vừa dấy khởi thì liền dứt trừ, là tu thế gian.

Nếu đối với Thánh đế đã được hiện quán, do mất niệm nên hoặc sanh hợp ý hoặc không hợp ý, hoặc gồm cả hai, nhưng tâm không bị trói buộc mà trụ vững, mau chóng đối với tạp nhiễm có thể được giải thoát, là tu hữu học.

Hoặc nơi tâm này an trụ vững chắc, như trước đã nói đối với bên trong không có hẹp hòi, khéo thoát khéo tu, tất cả đều không thấp kém đến mất niệm. Đối với các thứ vừa ý không vừa ý, phát tâm gần gũi, xét kể kia có đức nên hướng đến, đó gọi là tu vô học tịnh. Như tu căn, nên biết tu giới, tu tâm, tu huệ, ba thứ cũng vậy.

Ở đây, đầu tiên là chỗ dẫn khởi của tu căn thứ nhất. Tu căn thứ hai là chỗ dẫn khởi thứ hai. Tu căn thứ ba là chỗ dẫn khởi thứ ba.

Tu giới, tu tâm, tu huệ cùng đối chiếu, đều có ba thứ chỗ dẫn khởi, nên biết cũng thế.

Ở đây, cảnh giới hợp ý không hợp ý có sai biệt, nên hữu tình có ân oán sai biệt. Công đức, lỗi lầm tương ứng nơi hữu tình có sai biệt. Được yêu thích, không được yêu thích nơi hữu tình có sai biệt. Nên biết, hoàn toàn vừa ý, hoàn toàn không vừa ý, vừa ý không vừa ý cùng xen lẫn có sai biệt.

Cảnh giới hợp ý không hợp ý có sai biệt: Tự có cảnh giới hoàn toàn hợp ý. Tự có cảnh giới hoàn toàn không hợp ý. Tự có cảnh giới về loại lẫn lộn, một phần ít hợp ý, một phần ít không hợp ý.

Hữu tình như vậy, hoặc hoàn toàn có ân, hoặc hoàn toàn có oán, hoặc ân oán cùng xen lẫn. Hoặc hoàn toàn có được. Hoặc hoàn toàn có mất. Hoặc được mất cùng đủ. Nếu nơi hữu tình ái lại sanh ái, nên biết hoàn toàn là đối tượng của ái. Nếu nơi hữu tình sân lại sanh sân, nên biết hoàn toàn không phải là đối tượng của ái. Nếu đối với hữu tình ái đã sanh giận, hoặc nơi hữu tình giận đã sanh ái, nên biết đó gọi là đối tượng của ái, không phải là đối tượng của ái.

Do các nhân duyên sai biệt như thế, nên ba thứ như vừa ý v.v... có

sai biệt.

Lại, nơi hành ác tùy quán hiện pháp với lỗi lầm hiện có. Tùy quán vị lai với lỗi lầm hiện có. Thế nên xa lìa chúng, tu tập hành diệu. Nếu đối với sáu xứ, do tất cả môn đều bị phỉ báng, đó gọi là lỗi lầm hiện có của hiện pháp. Vì nhân duyên ấy, nên bị đọa vào nẻo ác, đó gọi là lỗi lầm hiện có của vị lai.

Ở đây, bị kẻ khác hủy báng: Nghĩa là bị ngoại đạo cùng những kẻ có nhiều hiểu biết của thế gian. Nên biết, ngoài ra tức như đã nói.

Lại, ở đây nói tu niệm trụ: Nghĩa là niệm giác phần vừa mới phát khởi, tại địa phàm phu thường nên tu tập. Tại địa hữu học, tu tập viên mãn. Tại địa vô học, tu tập giác phần chưa được giới đoạn. Ở nơi cảnh giới đoạn, lúc đang mong cầu, gọi là dựa nơi xa lìa. Chưa được cảnh giới vô dục, ở nơi giới vô dục, lúc đang mong cầu, gọi là dựa nơi lìa dục.

Chưa được cảnh giới diệt, ở nơi cảnh giới diệt, lúc đang mong cầu, gọi là dựa nơi diệt. Dứt bỏ phần thấp kém, tu phần giác, hồi hướng thẳng diệu, tu tập phần giác, nên gọi là hồi hướng dứt bỏ.

Lại, các Bí-sô phòng hộ các căn, có hổ có thẹn, do nhân duyên ấy nên xấu hổ đối với hành ác, tu tập hành diệu. Tu tập hành diệu nên không biến hối. Không có biến đổi, hối hận nên phát sanh hoan hỷ. Đây là điều kiện trước nên tâm được chánh định. Tâm chánh định nên có thể kiến giải đúng như thật. Kiến giải như thật, nên Minh cùng Giải thoát thảy đều viên mãn. Nên biết đó gọi là thứ lớp tu hành.

Lại nữa, như có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, tự mình đã không thể khéo tu tập các căn, nhưng lại vì kẻ khác thiết lập pháp khéo tu căn không như lý, kiến giải chỉ là dứt bỏ cảnh giới hiện có, gọi là phòng hộ các căn. Tuy nhiên vị ấy, tự mình ở nơi các chúng đệ tử, sanh khởi chấp trước sâu xa, một phần khởi yêu thích, một phần sanh ghét bỏ. Nghĩa là đối với sự chỉ dạy về nhân duyên thuận nghịch kia, hoặc hợp ý, không hợp ý luôn hiện hành, nơi chỗ vi tế ấy tự mình tạo tạp nhiễm, không thể dùng huệ để ngộ nhập như thật, nhưng cho tự mình có thể khéo tu tập các căn, khởi tăng thượng mạn. Các hữu tình thuận theo kiến chấp như thế, vị kia tuy khiến căn lìa bỏ các cảnh giới, nhưng ở riêng nơi chốn vắng lặng, duyên nơi cảnh giới nọ phát khởi vô số tâm tư tạp nhiễm. Vì không trí huệ mà tự ngộ nhập, nên cũng không gọi là khéo tu các căn. Lại cũng không là khéo tu căn, nên siêng tu hành chánh đáng, chỉ tin theo lời nói của kẻ khác khởi thẳng giải sai lạc, cùng dùng tà mạn.

Chư Phật Như Lai, vì các đệ tử, nên thiết lập đúng như lý việc đoạn trừ các phiền não, gọi là khéo tu tập các căn, không phải chỉ hoàn

toàn dứt bỏ các cảnh giới.

Lại, các Đức Như Lai đối với ba thứ niệm trụ không chung kia, tâm khéo an trụ, khiến các chúng đệ tử không nhiễm chấp, đối với các hành chân chánh luôn hiện hành vừa ý, nơi các thứ hành tà vạy, hành không vừa ý, do đấy, chỗ sanh khởi tạp nhiễm của tham dục, tạp nhiễm của giận dữ, đều không hiện có. Do nhân duyên ấy, nên tuy chỉ dạy cho đệ tử, cùng đoạn trừ phiền não, nhưng được gọi là bậc khéo tu tập các căn vô thượng.

Lại, việc tu tập căn này, dựa nơi năm nhóm phẩm có sai biệt, nên biết cũng có năm chuyển sai biệt. Nghĩa là Phật, Thế Tôn, hoặc có các đệ tử hoàn toàn hành đúng đắn mà cũng rất ráo, hoặc có các đệ tử hoàn toàn phóng dật, mà cũng rất ráo! Hoặc có các đệ tử tu hành chánh hạnh nhưng không rất ráo. Hoặc có các đệ tử hành nơi hành tà, mà không rất ráo. Hoặc có các đệ tử có nhiều thứ phẩm loại, một hành chánh hạnh, một hành phóng dật, một hành một phần hoặc có lúc phóng dật, có lúc không phóng dật. Như thế gọi là nhóm phẩm thứ năm.

Ở đây, Như Lai cho là hợp ý: Nghĩa là các đệ tử, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, đã tu tập các căn được viên mãn, nên tu hành chánh hạnh.

Lại có một loại không hợp ý: Tức là hành theo tà hạnh, hoặc không tu tập. Do đó, Đức Như Lai quán loại chúng sanh thứ nhất, khởi vừa ý. Quán loại chúng sanh thứ hai không vừa ý. Quán loại chúng sanh thứ ba, khởi vừa ý, sanh không vừa ý. Quán loại chúng sanh thứ tư, không vừa ý, sanh khởi vừa ý. Quán loại chúng sanh thứ năm, khởi vừa ý, sanh không vừa ý, cũng lại sanh khởi vừa ý, không vừa ý.

Đức Như Lai tuy đối với năm chúng ấy, phát khởi năm chuyển vừa ý, không vừa ý có sai biệt như thế, nhưng các Đức Như Lai trọn không bị các hành tướng yêu giận kia làm cho cấu nhiễm, do đã vĩnh viễn lìa mọi trói buộc của các phiền não cùng tập khí của chúng, do khéo tu tập các căn. Thế nên, Đức Như Lai, tất cả phiền não cùng tập khí đều đã đoạn trừ hoàn toàn, làm chỗ nương dựa, nên có thể khéo trụ niệm, đối với các chúng đệ tử không có các tạp nhiễm, được gọi là năm chuyển tu tập căn vô thượng.

Lại, đối với tất cả năm chuyển như thế, theo chỗ ứng hợp, nên chánh tư duy về ba thứ đối trị:

1. Tưởng vô thường.
2. Tâm từ.
3. Định vô tướng.

Ba thứ như thế, tùy chỗ ứng hợp, nên biết về tướng của chúng.

Lại, Đức Phật, Thế Tôn, việc làm đã thành tựu, nơi đệ tử vô học gọi là đã tu tập căn. Do trong đêm dài sanh tử luôn vui thích Niết-bàn. Tuy gặp phải cảnh tướng hiện tiền của các loại hữu tình như trước đã nói, hoặc thuần là khả ái, hoặc thuần là không khả ái, hoặc nhiều tạp loại chung cả ái, phi ái. Do Tham-sân-si đã vĩnh viễn xa lìa. Do sức tăng thượng của tâm giải thoát cùng huệ giải thoát. Tức do vô tướng khiến tâm đối với cảnh kia liền mau chóng dứt bỏ. Do ý lạc, nên đối với các cảnh giới khởi tướng chán bỏ.

Lại, đối với Niết-bàn thấy rõ đức tịch tĩnh như thế, nên mau chóng có thể an trụ nơi xả. Do nhân duyên này, nên dù chỉ trong khoảng một sát na mất niệm khiến tâm bị tạp nhiễm, cũng không thể khởi. Nên biết, ngang với sự khéo tu tập này, gọi là khéo tu tập căn.

Nếu các hàng hữu học chưa có thể mau chóng an trụ nơi xả, nên có các phiền não khác huân tập, khiến nối tiếp thành tạp nhiễm. Lại, ở trong tất cả cảnh của ba chuyển, các phiền não ghét bỏ đã khởi, nên khi phiền não hiện hành bức bách, tức có thể theo phương tiện trụ nơi tướng chán nghịch, cùng tướng lỗi lầm tai họa. Tu hành như thế, tức có thể khiến tu tập căn mau chóng được viên mãn. Do đó gọi là hành trì đúng đắn. Như thế nên biết, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, các chúng đệ tử tốt đẹp của bậc Đại sư, có thể tu tập hành chân chánh, đạt được nghĩa đã chứng đắc.

Lại nữa, luận sư vô ngã, lược có ba thứ sự việc được tạo tác chân chánh. Những gì là ba? Nghĩa là đối với tự tướng, cộng tướng của hành thuộc về Khổ Tập đế, nên hiển bày rõ, đúng, an lập vô ngã. Nên biết ở đây, hiển bày về tánh đều có rất nhiều thứ khác biệt. Hiển bày rõ về tự tướng, khai thị tánh tương tự sanh diệt, nên hiển bày rõ về cộng tướng. Đó gọi là sự việc được tạo tác chân chánh thứ nhất. Lại đối với vô ngã chỉ có hành nhân, như nơi tạp nhiễm, thanh tịnh hiện có đều hiển bày rõ như thật. Nên biết ở đây, nơi duyên của ba thứ thọ, sanh ba thứ tùy miên của phiền não, chưa có thể đoạn trừ hoàn toàn. Đối với kiến đạo, tùy miên ngã kiến chưa thể trừ bỏ. Nơi tu đạo, tùy miên ngã mạn cũng chưa thể trừ bỏ. Nơi tu đạo, tùy miên ngã mạn cũng chưa thể trừ bỏ hẳn. Đối với phẩm kiến mạn có thể khởi vô minh, cũng chưa dứt trừ vĩnh viễn, nên chưa thể sanh khởi minh để đối trị chúng, do vậy không thể tạo được biên vực của khổ. Như thế gọi là hiển thị tạp nhiễm. Đó gọi là sự việc được tạo tác chân chánh thứ hai.

Lại, đối với các hành đoạn từ Tát-ca-da-kiến tăng ích ngã, dựa nơi

chánh kiến có thể giữ lấy vô ngã thật sự, như tương ứng với thanh tịnh, hiển bày rõ như thật về kiến vô ngã này. Nơi phần vị phàm phu, có thể thâm nhận đúng đắn về hiện quán Thánh đế. Lại có thể chứng đắc huệ nhãn của các hành. Tại phần vị hữu học có thể đạt được tận trí, vô sanh trí của phần vị trên. Nơi phần vị vô học, có thể khiến cho hết thảy hàng hữu học cùng vô học, đối với phiền não hiện có do kiến đạo, tu đạo đoạn từ, đều được dứt hết hoàn toàn, rốt ráo. Vì thế nên biết, kiến vô ngã này có thể khiến đạt thanh tịnh, nên hiển bày rõ. Đó gọi là sự việc được tạo tác chân chánh thứ ba.

Lại nữa, đối với sự thành tựu đa văn của chánh kiến thế gian, không nhất định trụ nơi chánh pháp: Tức thành tựu đa văn của chánh kiến thế gian ấy, có thể nhất định trụ nơi chánh pháp, nên biết lược có năm thứ quả chánh gia hạnh thù thắng, xưng tán lợi ích. Những gì là năm? Đó là: Người thứ nhất trụ nơi chánh pháp kia, trước hết do tâm chưa được định, nên Giới của chi Xa-ma-tha chưa thanh tịnh, cũng chưa trắng, sạch. Tức người thứ hai trụ nơi chánh pháp ấy, tâm được định, nên thanh tịnh, tươi sáng. Nên biết đó gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng, xưng tán lợi ích thứ nhất.

Lại, tâm thứ nhất nơi Bồ-đặc-già-la kia chưa được định, nơi tất cả thọ, cùng chỗ dựa, đối tượng duyên, trợ bạn và nẻo tùy chuyển của chúng đều nhận biết không đúng như thật. Do không nhận biết nên tạo ra ba thứ vô trí làm nhân cho sự tiếp xúc của lỗi lầm, tai họa. Những gì là ba? Đó là:

1. Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của thọ.
2. Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của ba đời.
3. Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của hiện pháp và hậu pháp.

Nên biết ở đây, lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của thọ: Nghĩa là kẻ ngu si, đối với lạc thọ cùng nẻo tùy chuyển của nó và chỗ tùy nhiễm có tham ái trói buộc. Đối với Khổ thọ v.v..., có sân hận trói buộc, đối với thọ không khổ không lạc v.v..., có sự trói buộc của ngu ái cùng tùy miên, do có tùy miên của ngu si. Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của ba đời: Nghĩa là kẻ ngu si, đối với đời hiện tại có tham nhiễm trói buộc. Đối với đời quá khứ có luyến tiếc trói buộc. Đối với đời vị lai có tâm hệ thuộc trói buộc.

Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của hiện pháp, hậu pháp. Nghĩa là kẻ kia có tâm tạp nhiễm như thế, đối với ba đời, đối với thọ đều có tạp nhiễm, nên có thể sanh trưởng hoặc nơi nghiệp của hữu sau.

Do sự tăng trưởng ấy nên các uẩn của hữu sau khiến sẽ được sanh. Lại có thể tăng trưởng tham ái hiện có. Tức là ái về hữu sau cùng ái về của cải vật dụng. Do ái về hữu sau nên có thể sanh tự thể hiện có của vị lai. Do ái về tài sản vật dụng, nên vào lúc truy tìm, sinh ra mệt mỏi hết sức. Nếu được cảnh giới, liền sanh ái nhiễm. Nếu không đạt được thì chỗ ham muốn không toại nguyện, liền tự thiêu đốt. Nếu được rồi mất, liền bị sầu não tổn hại. Như vậy gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp.

Hoặc tức do sự tạo tác và tăng trưởng kia, có thể chiêu cảm hữu sau. Do sức tăng trưởng của phiền não nơi các nghiệp, nên đối với vị lai, sanh khởi các khổ như sanh lão bệnh tử có sai biệt. Như thế gọi là lỗi lầm, tai họa của hậu pháp.

Bổ-đặc-già-la thứ hai, tâm định, nên biết tất cả cùng trái nhau với những thứ nêu trên. Đó gọi là sự thù thắng thứ hai. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, Bổ-đặc-già-la thứ nhất ấy, tâm chưa định, nên đối với các lỗi lầm tai họa được tạo ra do không trí kia, hoặc tự hoặc tha đều không nhận biết đúng như thật. Bổ-đặc-già-la thứ hai, tâm định. Đối với các thứ ấy đều có thể nhận biết đúng như thật, nên biết đó gọi là sự thù thắng thứ ba. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, Bổ-đặc-già-la thứ hai kia tâm đã được định, đối với các lỗi lầm tai họa đều nhận biết đúng như thật, đã nhập nơi địa tu, tức chánh kiến hiện có tương ứng với vô ngã đã đạt được ở trước, do sự tu tập ấy, nên ở trong hai thời, dựa vào cảnh giới đoạn và cảnh giới vô dục, cùng với tất cả pháp Bồ đề phần kia, đều được viên mãn, nên biết đó gọi là sự thù thắng thứ tư. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, Bổ-đặc-già-la thứ hai, tâm đã được định, các chi phần trợ bạn của Tỳ-bát-xá-na đa văn hiện có, đều có thể thâm nhận Tam-ma-địa thù thắng, có thể tu trị, làm tịnh Tỳ-bát-xá-na. Do nhân duyên ấy, hai thứ Chỉ, Quán bình đẳng cùng chuyển, tức ở đây đã thành tựu đa văn của chánh kiến thế gian, Bổ-đặc-già-la này được định, trụ nơi chánh pháp, nên biết là có quả chánh gia hạnh thù thắng, xứng tán lợi ích thứ năm. Như thế, tức hữu tình kia do đã đạt được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xa-na thù thắng, dựa nơi cảnh giới đoạn, đối với những thứ nên nhận biết khắp, đều có thể nhận biết khắp, đúng đắn. Đối với những thứ nên vĩnh viễn đoạn trừ, đều có thể đoạn trừ vĩnh viễn, đúng đắn. Đối với các pháp nên tác chứng, đều có thể tác chứng đúng đắn. Đối với các pháp nên tu tập, đều có thể tu tập đúng đắn. Dựa vào cảnh giới vô dục, nơi tất cả các thứ đã nhận biết, đã đoạn trừ, đã tu tập, đã chứng đắc, đối với đối

tượng nương dựa là sắc, và chủ thể nương dựa là danh, nên nhận biết đúng đã nhận biết đúng. Đối với đối tượng nương dựa là vô minh cùng chủ thể nương dựa là hữu ái, nên đoạn trừ đúng đã đoạn trừ đúng. Đối với đối tượng nương dựa là trí sáng, tịnh, cùng chủ thể nương dựa là giải thoát, nên phiền não được đoạn trừ, chứng đắc đúng đắn đã chứng đắc. Đối với đối tượng nương dựa là Xa-ma-tha cùng chủ thể nương dựa là Tỳ-bát-xá-na, nên tu tập đúng đắn, đã tu tập.

Lại nữa, có hai pháp kiến:

1. Pháp kiến hữu vi.
2. Pháp kiến vô vi.

- Pháp kiến hữu vi: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với chỗ dựa cùng tự tánh của đế đều nhận biết đúng như thật.

Thế nào gọi là nơi chốn nương dựa của đế? Nghĩa là danh sắc cùng số vật của hữu tình như người, Trời v.v..

Thế nào là đế? Tức là Thế tục đế và Thắng nghĩa đế.

Thế nào là Thế tục đế? Tức là đối với chỗ nương dựa của đế kia, giả tưởng an lập ngã hoặc hữu tình, cho đến thọ mạng, và sự sanh. Lại tự xưng nêu: Mắt của ta thấy sắc, cho đến ý của ta nhận biết pháp. Lại khởi ngôn thuyết: Nghĩa là danh như thế, cho đến biên vực của thọ lượng như thế, nói rộng như trước. Nên biết ở đây chỉ có giả tưởng, chỉ giả tự xưng, chỉ giả ngôn thuyết về tánh tướng hiện có với tác dụng sai biệt, gọi là Thế tục đế.

Thế nào là Thắng nghĩa đế? Nghĩa là tức đối với nơi chốn nương dựa của đế kia có tánh vô thường, nói rộng cho đến có tánh duyên sanh, như trước đã nói rộng. Như tánh vô thường, có tánh khổ, nên biết cũng thế.

Nếu đối với nơi chốn nương dựa của Thắng nghĩa đế, Thế tục đế như thế, về Thế tục đế nhận biết rõ như thật là Thế tục đế. Về Thắng nghĩa đế nhận biết rõ như thật là Thắng nghĩa đế. Như vậy gọi là pháp kiến hữu vi.

Thế nào gọi là pháp kiến vô vi? Nghĩa là đối với nơi chốn nương dựa của đế kia, đã đạt được hai thứ thiện xảo của đế, do sức tăng thượng của thiện xảo ấy, nên đối với tất cả nẻo tận cùng nơi Niết-bàn như Hữu dư y, Vô dư y, đều thấy rõ tịch tĩnh, tâm hướng nhập, như trước đã nói rộng, cho đến giải thoát. Như thế gọi là pháp kiến vô vi.

Lại, pháp kiến này, nên biết ba thứ Bồ-đặc-già-la đều được thành tựu:

1. Hàng phàm phu pháp tùy pháp hành đã được tâm định,

thông tuệ, nhận biết rộng, có thể quan sát các pháp như chánh lý.

2. Hàng hữu học đã kiến đế tích.

3. Hàng vô học, các lậu đã đoạn trừ vĩnh viễn.

Lại nữa, nếu có hữu tình mong cầu các sự việc hưng thịnh của hàng Trời, Người, tự phát thệ nguyện hành phạm hạnh, nên biết kẻ ấy đã xưng tán hai thứ lỗi lầm tai họa của hàng Trời, Người. Đó là:

1. Các khổ do phiền não sanh khởi.

2. Các khổ do vô thường sanh khởi.

Thế nào là các khổ do phiền não sanh khởi? Nghĩa là, đối với hàng Trời, Người trụ nơi cảnh giới ái, dựa nơi đời hiện tại nên trụ nơi cảnh giới lạc. Dựa nơi đời quá khứ nên trụ nơi cảnh giới vui. Đối với đời hiện tại, dựa nơi cảnh quá khứ, sanh ái lạc nên trụ nơi cảnh giới hỷ. Nơi đời vị lai, dựa nơi cảnh hiện tại nên sanh ái lạc. Nếu ở trong cảnh của ba đời như thế, trụ nơi nhiễm ô, nên biết kẻ ấy đã xưng tán về khổ của dục có thiếu thốn, cùng các khổ hiện có như sanh, lão v.v... Đó gọi là lỗi lầm tai họa của các khổ được tạo ra do phiền não sanh khởi.

Thế nào là các khổ do vô thường tạo ra? Nghĩa là thuận theo xứ lạc có trái, mất, nên khởi khổ biến hoại. Tùy thuận xứ khổ hiện tiền, nên khởi khổ chán lìa. Tất cả tự thể, vào lúc chung cuộc đều diệt hoại, nên có khổ diệt hoại. Nên biết đó gọi là ba thứ các khổ do vô thường tạo ra.

Ở đây, Đức Như Lai vượt quá hai thứ lỗi lầm tai họa như thế, trụ hoàn toàn nơi lạc. Tức đối với lạc này nên nhận biết đúng như thật, do đấy nên lạc. Lại, nên nhận biết đúng như thật về phương tiện của lạc.

Thế nào là lạc? Nghĩa là an ổn vô thượng của tất cả cảnh tương ưng đều vĩnh viễn dứt hết, tức cảnh giới Bát Niết-bàn Hữu dư y.

Thế nào là phương tiện? Nghĩa là như trước đã nói, đối với năm thứ thọ phát khởi năm trí diệu chuyển biến như thật. Nếu các Thanh văn dứt bỏ chỗ chứng đắc của bậc Đại sư về diệu lạc vượt quá hàng Trời, Người, để mong cầu lạc thấp kém nơi hàng Người, Trời, nên biết các vị ấy, đối với trụ xứ của các bậc trí, phần nhiều nhận lấy sự hủy nhục, cũng tự lừa dối.

Lại nữa, tụng nêu:

Một trụ xa Niết-bàn

Lược nêu nội đã chứng

Biện tương Nhất Thiết Trí

Xả bỏ nghiệp đã học

Không tùy hành luôn trụ

Sư đệ, hai viên mãn.

Do hai nhân duyên, nên biết gọi là có trụ thứ hai, nghĩa là hữu ái. Vì muốn sanh khởi tự thể thứ hai, thọ hành nhân kia, nên tự thể này diệt thì tự thể thứ ba nối tiếp sanh khởi.

Thế nào là hữu ái? Nghĩa là các cảnh giới nơi đối tượng duyên khả ái sắp được hiện tiền. Đầu tiên là sanh khởi vui thích nhiệm ô, gọi là hữu hỷ lạc. Từ đấy về sau, cho đến khi chưa được các thứ kia, phần nhiều trụ nơi tác ý tư duy. Nếu như đã được nhưng chưa thọ dụng, trong khoảng thời gian ấy, tức do sức tăng thượng của hỷ lạc, nên trụ nơi vui mừng nhiệm ô, gọi là hữu hoan hỷ.

Vào lúc thọ dụng, sanh nhiều tham ái, gọi là hữu nhiễm trước, nên gọi là hữu ái.

Lại, đối với vị lai khởi mong cầu, nên cùng với các thứ đã được sanh lãnh nạp, nên gọi là hữu hỷ lạc. Đối với đời quá khứ tùy theo nhớ nghĩ, nên gọi là hữu hoan hỷ.

Vào lúc đang thọ dụng các thứ đã đạt được, sanh khởi tham ái, nên gọi là hữu nhiễm chấp. Như thế gọi là sai biệt thứ hai.

Thế nào là sanh khởi tự thể thứ hai? Nghĩa là hỷ lạc v.v... là nhân của tập, đối với đời vị lai, sanh lão là gốc sanh khởi các khổ. Cùng với đấy trái nhau, nên biết đó gọi là không có trụ thứ hai.

Lại nữa, có hai thứ pháp, lại cùng trái nhau:

1. Phiền não.
2. Niết-bàn.

Do đó, trụ nơi pháp tập nhiễm rồi, tức liền tùy thuận nơi hữu sau mà chuyển. Nếu lúc đối với hữu sau tùy thuận mà chuyển, nên biết gọi là cách xa Niết-bàn.

Lại có sáu thứ hành tướng nhỏ, kém của các sĩ phu, Bồ-đặc-già-la hèn kém:

1. Tánh nhiều giận dữ.
2. Hành tác không suy xét.
3. Vui thích bức nã kẻ khác.
4. Nếu tiếp xúc với khổ, liền phát khởi ngôn ngữ thô ác, không thật.
5. Hoặc phát khởi ngôn ngữ thô ác, thật sự có thể dẫn đến vô nghĩa.
6. Nhân đấy, lần lượt phát khởi vô lượng ngôn từ xấu ác sai biệt, không phải chỉ một ít lời mà sanh biết đủ.

Do hai nhân duyên, nên các vị xuất gia gắng sức thọ hành, mau

chóng có thể chứng đắc nghĩa lợi của Sa-môn: Những người chưa tin thì khiến sanh tịnh tín. Người đã tin rồi thì khiến tăng trưởng bội phần. Những gì là hai? Đó là:

1. Nhẫn nhục.
2. Nhu hòa.

- Nói nhẫn nhục: Nghĩa là đối với điều oán nơi kẻ khác, trọn không đáp trả.

- Nói nhu hòa: Tức tâm không phần nộ, tánh không nào hại kẻ khác.

Lại nữa, nói tóm tắt, Đức Như Lai lược nương nơi hai thứ xứ sở, thuyết giảng giáo pháp “Không giới”:

1. Thuyết giảng giáo pháp về Giới Niết-bàn Hữu dư y.
2. Thuyết giảng giáo pháp về Giới Niết-bàn Vô dư y.

Nếu do đoạn trừ phiền não như thế, nên gọi là hữu tình thành tựu về đoạn trừ, không tạo thành phiền não. Tức do không trụ nơi các khổ của hữu sau thuộc quả kia như thế, nên biết đó gọi là thuyết giảng giáo pháp về Giới Niết-bàn Hữu dư y.

Nếu do không trụ vào quả khổ thuộc phiền não nơi hữu sau, tức do như thế cho đến thọ mạng hết, đã diệt độ xong, hết thấy sự nương dựa (y) khác đều không thật có, chẳng trụ nơi thân này, không trụ nơi thân khác, chẳng trụ nơi trung hữu, chứng đắc biên vực tận cùng của các khổ. Nên biết đó gọi là nêu giảng giáo pháp về Giới Niết-bàn Vô dư y.

Lược có ba thứ nhân mạnh của niệm lược:

1. Do tuổi trẻ khỏe mạnh.
2. Do đời trước thường xuyên hành tập.
3. Do hiện pháp luôn hành tập.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên biết Niết-bàn là pháp nội chứng. Nghĩa là lia tín, cho đến lia kiến, xét kỹ nơi nhẫn, như trước đã nói nên biết. Tức là trong hiện pháp, nơi nội chứng đều riêng, trong ngoài tăng thượng, sanh khởi tập nhiễm đều nhận biết rõ đúng như thật là có cùng không có.

Lại nữa, do ba nhân duyên, đã hiển thị Bồ đề Vô thượng của chư Phật:

1. Nhận biết rõ về tất cả cảnh.
2. Nhận biết rõ về sự việc như thật của có cùng không có.
3. Nhận biết rõ về tất cả pháp của hai phẩm nhiễm tịnh. Do

đấy, kẻ khác đối với ba xứ như thế, thỉnh vấn Đức Thế Tôn.

Lại nữa, các pháp hữu vi lúc cùng có chuyển, khiến tâm mê loạn,

có thể khiến đối với tướng phân biệt, chấp giữ sai lạc. Vì thế, Đức Như Lai vì các đệ tử khai thị, phân biệt khiến đối với các tướng kia quyết định ngộ nhập, vì nhằm nhận biết rõ về tướng chân thật. Lại, vì đối với chính mình không có khi đối, vì đối với kẻ khác thân nhiên không sợ, ký biệt đúng đắn.

Lại nữa, các vị xuất gia, dứt bỏ sức tăng thượng của pháp đã học, nên biết là an lập nơi cảnh giới luyến tiếc.

Lại, người xuất gia, hủy phạm sức tăng thượng của Thi-la, nên biết là đã an lập nơi hạng chưa xuất gia, tâm dứt bỏ hưởng nhập nơi sự việc che lấp, xa lìa hổ thẹn, hoàn toàn là ái vị. Hoặc chấp giữ chặt nơi cảnh giới của đối tượng duyên, nên biết kẻ ấy gọi là ái vị cùng tột. Do nhân duyên này, nên ở trong việc tu tập phẩm thượng nơi các nghiệp thiện, tâm không thuận hợp, trợ trợ, không thể tạo được nghĩa.

Lại, tức do sức tăng thượng ấy, nên hành các hành ác, bên trong ôm giữ, che giấu các thứ ác được ẩn giấu, nên sanh che lấp. Tất cả như thế lược thấu làm một, gọi là đối với cảnh, tâm ái vị tột cùng, bị che lấp hoàn toàn.

Lại nữa, nếu đối với các căn, hành không phòng hộ, do thích lắng nghe pháp không chân chính, liền sanh vô minh xúc, dấy khởi tác ý nhiễm ô. Tức do sức tăng thượng của tác ý ấy, nên đối với các xứ của đời vị lai sẽ sanh khởi lỗi lầm tai họa hiện có, đều không nhận biết đúng như thật.

Không nhận biết đúng như thật về lỗi lầm tai họa kia, nên liền khởi mong cầu. Mong cầu các pháp kia, nên tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ứng. Tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ứng, nên đời vị lai, sáu xứ sanh khởi. Như thế gọi là đạo lý thuận theo thứ lớp.

Nghịch với thứ lớp, nghĩa là sáu xứ kia dùng nghiệp làm nhân. Nghiệp dùng ái làm nhân. Ái lại dùng vô minh kia làm nhân. Vô minh lại dùng tác ý không như chánh lý làm nhân. Tác ý không chánh lại dùng vô minh xúc làm nhân.

Lại, ở trong ấy, nghiệp đã tạo từ trước là nhân của sáu xứ nơi thọ của hiện pháp. Nghiệp được tạo của hiện pháp, là duyên của sáu xứ nơi thọ sanh tiếp theo. Hoặc là sáu xứ của thọ sau, do dựa vào ái v.v..., nghiệp v.v..., theo chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên hữu sau sanh khởi:

1. Nghiệp của hữu sau.
2. Ái của hữu sau.

Nhưng chỉ nói các loài hữu tình theo nghiệp mà hành, không nói

theo ái. Vì sao? Vì lược có ba ái:

1. Ái cõi Dục.
2. Ái cõi Sắc.
3. Ái cõi Vô sắc.

Ở đây, ái cõi Dục là bất thiện, tuy có dị thực, nhưng nếu không khởi nghiệp ác, bất thiện, thì hoàn toàn không thể tạo ra dị thực của nẻo ác.

Nếu ái của cõi Dục, đối với vô minh xúc sanh khởi các thọ, khi khởi mong cầu, đối với cảnh khả ái phát sanh tham dục. Đối với cảnh đáng ghét phát sanh giận dữ. Đối với cảnh đáng mê lầm phát sanh ngu si. Do sức tăng thượng của ba thứ ấy, nên hành nghiệp bất thiện. Vì nghiệp này, nên sanh nơi các nẻo ác. Không phải chỉ do triền Tham-sân-si kia nhất định bị đọa nơi nẻo ác, nhưng tức ái ấy, đối với lúc sanh dị thực của nghiệp đã tạo, có thể làm trợ bạn.

Lại do sức tăng thượng của việc mong cầu cảnh giới khả ái, nên ba nghiệp thân ngữ ý tu hành hạnh thiện. Dùng đấy làm nhân, nên được sanh nơi nẻo thiện.

Ở đây, các quả dị thực khả ái chỉ nên dùng nghiệp làm nhân dẫn sanh, không phải ái của tánh nhiễm.

Lại, nếu ái này, hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc, tuy không phải là bất thiện, nhưng là nhiễm ô, tất cả đều không có quả dị thực.

Lại, tức do ái của cõi Sắc, Vô sắc ấy, gọi là hữu ái: Kẻ kia do nhân là lắng nghe chánh pháp, nên đối với việc quán tướng thô kém của cõi Dục, chứng đắc minh xúc, sanh khởi các thọ, tương ứng với tác ý như lý của thế gian, điều phục Tham-sân-si của cõi Dục, tu tập tạo thành nghiệp hữu lậu thiện. Do trong thời gian ấy tạo tác nghiệp kia, nên được sanh vào nẻo thiện, không do nơi ái của tánh nhiễm ô kia. Nhưng tức ái này đối với nghiệp đã tạo, lúc sanh dị thực có thể làm trợ bạn, do đó chỉ nói các loài hữu tình theo nghiệp mà hành, không nói theo ái.

Lại nữa, ở trong sự việc bên ngoài, do sức tăng thượng của giả danh nơi thế gian, nên cũng gọi là có quả cùng có người nhận. Nhân cùng với kẻ tạo tác, nên biết cũng thế. Như vậy gọi là Thế tục đế không, chẳng phải là Thắng nghĩa không. Hoặc nói nơi thời gian thường hằng, tất cả các hành chỉ có nhân quả, hoàn toàn không có kẻ nhận, người tạo. Nên biết đó gọi là Thắng nghĩa đế không. Tức Không này lại có bảy thứ:

1. Hậu tế không.
2. Tiền tế không.
3. Trung tế không.

4. Thường không.
5. Ngã không.
6. Người nhận không.
7. Kẻ tạo không.

Ở đây, nên biết không có sáu hành, nơi đời vị lai thật có tự tánh của tụ hành để an lập các hành, lúc sanh từ nơi kia đến. Nếu có sự việc ấy thì các hành kia không nên sanh, vì đối với đời vị lai, tự tánh của các hành đã thật có. Lại không nên có vô thường có thể đạt được. Đã có thể đạt được, do đó nên biết, khi các hành sanh, không từ đâu lại, xưa không nay có. Đó gọi là hậu tế không. Lại, không có các hành đối với đời quá khứ thật có tự tánh của tụ hành để an lập các hành đã sanh đã diệt, đi đến chốn kia tích tập mà trụ. Nếu có sự việc ấy, thì không nên thiết lập các hành có diệt, tánh vô thường kia lẽ ra không thể nhận biết. Nhưng đã có thể nhận biết, do đó các hành vào lúc đang diệt đều không từ đâu đến, tích tập mà trụ. Đã có tan, diệt, không chờ nhân khác, tự nhiên diệt hoại, đó gọi là tiền tế không. Lại, ở trong hành sát na sanh diệt, chỉ có các hành tạm thời có thể đạt được trong ấy, đều không có hành khác có thể thủ đắc, cũng không có vật riêng. Đó gọi là trung tế không. Nên biết cũng là thường không, ngã không. Do vô ngã, nên tánh quả nơi các hành không, là không người thọ nhận. Tánh nhân nơi các hành nghiệp không là không có kẻ tạo tác. Như thế gọi là hai thứ người nhận, kẻ tạo đều không. Vì kẻ tạo, người nhận đều không thật có, chỉ có các hành, đối với đời trước diệt. Chỉ có các hành, đối với đời sau sanh, trong ấy, đều không có việc bỏ đời trước nhận lấy đời sau. Thế nên gọi là chỉ có các hành từ các duyên sanh, có thể sanh các pháp.

Lại, hết thủy pháp đều không tác dụng, không có một ít pháp nào có thể sanh một ít pháp. Do đó nên nói: Đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh. Chỉ chính là ở trong pháp Nhân quả kia, dựa nơi Thế tục để giả lập tác dụng, tuyên thuyết pháp này có thể sanh pháp kia.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nơi cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận theo hỷ, tùy thuận mà hành, tâm vui thích sâu xa, không như chánh lý, chấp giữ lấy tướng, phát sanh tham dục, khởi nhiều tâm tư, tạo phương tiện tìm kiếm, nhân đầy hành rộng hành phước, phi phước.

Như cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận theo hỷ, thì cảnh giới của đối tượng duyên thuận theo ưu, thuận theo xả, với chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Về sai biệt: Nơi cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận theo ưu, tùy thuận mà hành, tâm chán ác sâu xa, phát sanh giận dữ. Đối với

cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận nơi xả, tùy thuận mà hành, tâm ngu muội sâu xa phát sanh ngu si, phần còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, có các Bí-sô chứng đắc A-la-hán, các lậu vĩnh viễn dứt hết, nơi tất cả cảnh, tùy thuận mà hành, thường xuyên không kham nổi, cho đến mất niệm, sanh các phiền não, do đó luôn trụ nơi trụ không tạp nhiễm. Do nhân duyên ấy, nên gọi là hằng trụ. Các vị kia nơi phẩm tùy hành, hoặc hỷ hoặc ưu, hoặc vui, hoặc buồn, các vị A-la-hán đều không hề có, cho đến trong pháp thiện cũng không có sự việc ấy.

Lại, chỗ hằng trụ kia là rất khó hành cùng không tội, nên gọi là tối thắng. Người có thể thành tựu hành cực khó, nên gọi là phước điền chân thật bậc nhất, phải nên phụng thỉnh, cho đến nói rộng, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nêu.

Lại nữa, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, nên biết bậc Đại sư cùng chúng đệ tử, đều do hai tướng, nên tức viên mãn.

Thế nào là hai tướng, nên biết bậc Đại sư về đức viên mãn? Nghĩa là dựa nơi hành lợi tha, muốn khiến ngộ nhập về các thọ hiện có đều là khổ. Nói chỗ dựa của thọ. Nói nhân duyên kia. Nói tùy hành hiện có, có thể tạp nhiễm. Nói về đối tượng được đối trị cùng chủ thể đối trị, an lập trường hợp của Đại sư. Nêu tất cả thứ đều hoàn toàn xuất ly. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của Đại sư.

Lại dựa nơi hành tự lợi, tuyên thuyết về ba thứ niệm trụ không chung, trụ không tạp nhiễm. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của Đại sư.

Thế nào là hai tướng, nên biết về đức viên mãn của chúng đệ tử? Nghĩa là đối với vô lượng giáo pháp của Như Lai, có thể nhận biết rõ ràng, nhưng chưa lãnh hội được nẻo đến bờ kia. Nếu do đạt được nẻo đến bờ kia, chính là tu tập pháp tùy pháp hành, chứng đắc xuất ly, chẳng phải là nhận biết rõ, thọ trì pháp ấy rồi, như lý tu tập pháp tùy pháp hành. Không phải chỉ theo âm thanh nơi ngôn ngữ được nêu bày, cho là cứu cánh. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của các chúng đệ tử.

Như thế là tu tập pháp tùy pháp hành, không do thấp kém mà sanh biết đủ, cần phải đi đến trụ xứ của các bậc trượng phu hiền thiện, thông tuệ, là nơi chốn được hưởng tối, nhất định sẽ đạt được điều nên chứng đắc. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của các chúng đệ tử.

Lại nữa, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, lại do ba tướng, nên biết bậc Đại sư về đức viên mãn. Lại do hai tướng, nên biết đệ tử về đức viên mãn.

Thế nào là ba tướng, nên biết bậc Đại sư về đức viên mãn? Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn, vì các đệ tử, nên đầu tiên thiết lập hành chánh

Trung đạo, xa lìa hai biên. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của bậc Đại sư.

Lại, người đối với Thánh giáo chưa sanh tin tưởng, có sự hủy phạm, dùng phương tiện đúng đắn khiến nhập Thánh giáo, lìa các hủy phạm. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của bậc Đại sư.

Lại, đối với Thánh giáo đã hội nhập, do bốn pháp nhiếp, thâm nhận đúng đắn. Đó gọi là đức viên mãn thứ ba của bậc Đại sư.

Thế nào gọi là bốn thứ pháp nhiếp? Đó là:

1. Đối với chỗ bí mật, dùng sự chỉ dạy, trao truyền về nẻo tịch tĩnh như pháp mà chỉ dạy, trao truyền, không dùng phi pháp.

2. Đối với chỗ trái phạm, dùng ngôn ngữ khổ bức như pháp, hiện tiền quả trách, đuổi đi, không phải là không như pháp.

3. Đối với chỗ tầm tư, nương dựa nơi tham đắm chấp trước thì giáo hóa khiến nơi nội pháp siêng tu tịch tĩnh.

4. Khiến thường xuyên lắng nghe chánh pháp, luôn không biếng trễ, bỏ phế.

Lại khiến xa lìa chánh pháp tương tự, cùng khiến đối trị việc từ bỏ chánh hạnh. Nên biết tức là, đối với chỗ bí mật kia có thể dẫn đến việc chỉ dạy, trao truyền nẻo tịch tĩnh như pháp. Đối với chỗ thật sự hủy phạm, nếu nhận biết rõ, đúng, cần phải quả, đuổi đi, mới điều phục, dùng ngôn ngữ như pháp, hiện tiền quả trách, đuổi đi, tâm không tạp nhiễm.

Đối với chỗ tầm tư, tạo phương tiện khiến thay đổi để có quyết định rõ. Đối với các kẻ phóng dật theo năm dục diệu, thì chỉ rõ các thứ lỗi lầm tai họa, khiến sanh chán lìa, lần lượt tu học cho đến chứng nhập Tĩnh lự thứ tư. Tầm tư hiện có nương dựa nơi tham đắm chấp trước mới có thể đối với nội pháp đạt tịch tĩnh rốt ráo. Tự khiến không phiền não, khiến kẻ khác thâm giữ. Nên biết đó gọi là thường xuyên trong mọi thời, lắng nghe chánh pháp, không hề biếng trễ, bỏ phế.

Thế nào là hai tướng, nên biết các chúng đệ tử, về đức viên mãn? Nghĩa là các đệ tử, đầu tiên nhận thọ kiến giải của bậc Đại sư. Tức trong các pháp thấy rõ là không, vô ngã. Do nhân duyên ấy nên đối với các pháp, không tăng ích ngã để dấy khởi chấp trước sai lạc. Cũng không hủy hoại đạo lý thế tục. Ý lạc vượt hơn nên không bị hệ thuộc. Theo ngôn thuyết, cũng không xa lìa. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của các chúng đệ tử.

Lại, các chúng đệ tử đối với kiến giải đã nhận thọ rồi, có thể tu tập pháp tùy pháp hành đúng đắn, do bốn pháp nhiếp lúc đã thâm nhận

được. Nếu các pháp kia có khổ có hại, đều nhận biết rõ như thật, nên có thể mau chóng đoạn dứt. Nếu các pháp kia không khổ không hại cũng nhận biết rõ như thật, nên có thể mau chóng tác chứng. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của các chúng đệ tử.

Như vậy, bậc Đại sư cùng các chúng đệ tử đã thâm nhận Thánh giáo của chư Phật, nên biết là hoàn toàn thanh tịnh không nhiễm, là nơi chốn quy hướng của các bậc thông tuệ.

*

**